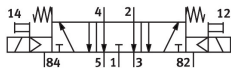
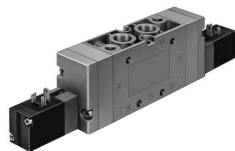


# **Van điện từ** **MVH-5/3E-3/8-B** Số bộ phận: 14943

**FESTO**



## **Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                       |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 5/3 được thông khí                                            |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                                          |
| Chiều rộng lắp đặt                                         | 40 mm                                                         |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 2200 l/ph                                                     |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | G3/8                                                          |
| Điện áp vận hành                                           | 24V DC                                                        |
| Áp suất vận hành                                           | 0.3 MPA...1 MPA<br>3 bar...10 bar                             |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông                                          |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo cơ học                                                  |
| Chiều rộng định mức                                        | 12 mm                                                         |
| Kích thước lưới                                            | 41 mm                                                         |
| Chức năng khí xả                                           | có thể điều tiết                                              |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                                           |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kỳ                                                        |
| Nút ghi đè                                                 | quét                                                          |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                                              |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | trong                                                         |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                                           |
| Xếp chồng                                                  | gối chồng dương                                               |
| Tần số chuyển mạch tối đa                                  | 3 Hz                                                          |
| Thời gian chuyển mạch tắt                                  | 87 ms                                                         |
| Thời gian chuyển mạch bật                                  | 35 ms                                                         |
| Thời gian chuyển đổi lúc                                   | 75 ms                                                         |
| Xung thử nghiệm dương tính tối đa với tín hiệu 0           | 2200 µs                                                       |
| Xung thử nghiệm âm tính tối đa với 1 tín hiệu              | 3700 µs                                                       |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                                 | 24 V DC: 2,5 W                                                |
| Dao động điện áp cho phép                                  | +/- 10 %                                                      |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                      |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                                             |

| Đặc tính                       | Giá trị                                     |
|--------------------------------|---------------------------------------------|
| Nhiệt độ bảo quản              | -40 °C...60 °C                              |
| Nhiệt độ trung bình            | -5 °C...50 °C                               |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh | -5 °C...50 °C                               |
| trọng lượng sản phẩm           | 1000 g                                      |
| Kiểu gắn                       | trên thanh ray PR<br>với lỗ xuyên<br>tùy ý: |
| Cổng nối kiểm soát khí thải 82 | M5                                          |
| Cổng nối kiểm soát khí thải 84 | M5                                          |
| Cổng nối khí nén 1             | G3/8                                        |
| Cổng nối khí nén 2             | G3/8                                        |
| Cổng nối khí nén 3             | G3/8                                        |
| Cổng nối khí nén 4             | G3/8                                        |
| Cổng nối khí nén 5             | G3/8                                        |
| Ghi chú vật liệu               | Tuân thủ RoHS                               |
| Vật liệu của phốt              | NBR                                         |
| Vật liệu vỏ                    | Nhôm đúc áp lực                             |